

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 08 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Th 1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ng Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thỏa;

Ông Lý A Tồn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nùng Xuân Di - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. La Xuân Th, sinh năm 1965, tại xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn Phó Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông La Di S (đã chết) và bà Lý Thị K (đã chết); có vợ là: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965 và con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; hiện đang bị áp dụng quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 07/2020/HSST-QĐ, ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. La Xuân Th 1, sinh năm 1987, tại xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn Phó Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Giáy; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông La Xuân Th, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; có vợ là: Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1988 và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền

án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; hiện đang bị áp dụng quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 08/2020/HSST-QĐ, ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Xuân Ng, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Thôn Phố Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Nguyễn Đình Ph, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Khu Ng T, xã Hà Th, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

2. Bà Bàn Thị Thu H, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn Phố Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn Phố Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

4. Ông La Văn Th, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn Phố Ch, xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ vợ mình là Nguyễn Thị Kh có quan hệ bất chính với Nguyễn Xuân Ng, sinh năm 1985 ở cùng xã, Th 1 đã kiểm tra điện thoại của vợ thì thấy có nhiều tin nhắn xưng hô vợ chồng với Ng. Sau đó, La Xuân Th 1 nói cho bố đẻ là La Xuân Th biết sự việc.

Khoảng hơn 19 giờ ngày 03/10/2019, La Xuân Th hẹn Nguyễn Xuân Ng, bố, mẹ Ng đến nhà La Xuân Th 1 để giải quyết, cả Kh và Ng đều xác nhận là có tình cảm với nhau và có nhắn tin cho nhau qua điện thoại, do bức tức nên Th 1 bắt Ng quỳ, chửi bới Ng và có hành vi dùng dao (loại dao thái chuối) chỉ vào Ng đe dọa chém. Đồng thời ông Th và Th 1 yêu cầu Nguyễn Xuân Ng phải bồi thường danh dự bằng tiền (đưa ra 03 mức cho Ng chọn là: 120.000.000 đồng, 240.000.000 đồng và 360.000.000 đồng) cho gia đình Th 1 để làm lễ quét nhà, do lo sợ nên Nguyễn Xuân Ng đã nhận mức bồi thường số tiền 120.000.000 đồng cho Th 1. Sau đó, ông Th đi lấy giấy cho Ng viết giấy bồi thường danh dự cho Th 1 và Giấy vay nợ cho Th 1 với số tiền 120.000.000 đồng và hẹn đến ngày 19/10/2019 Ng phải trả hết số tiền trên, đến khoảng 22 giờ Th 1 cho Ng và gia đình về nhà. Đến ngày 07/10/2019, Ng đã tố cáo hành vi của Th, Th 1 ra Cơ quan điều tra Công an huyện Y. Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 19/10/2019 La Xuân Th 1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 con dao loại dao thái chuối, 01 tờ giấy ghi “Giấy biên nhận vay tiền” và 01 tờ giấy ghi “Bản bồi thường danh dự” có chữ ký của Nguyễn Xuân Ng.

Ngày 18/10/2019 Bàn Thị H đến giao nộp 01 USB màu đen, bên trong chứa hình ảnh ghi lại nội dung sự việc ngày 03/10/2019 tại nhà La Xuân Th 1.

Ngày 31/10/2019 La Văn Th giao nộp 01 USB, màu xanh thẫm, bên ngoài có chữ APACER USB3.1, bên trong có chứa nội dung ghi âm toàn bộ cuộc đối thoại giữa Nguyễn Xuân Ng và La Xuân Th, La Xuân Th 1 về nội dung sự việc tối ngày 03/10/2019.

Ngày 31/10/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định nội dung tài liệu. Ngày 15/01/2020 và ngày 29/4/2020 Viện khoa học hình sự đã Kết luận số 6566/C09-P6 và số 1240/C09-P6, Kết luận nội dung trong tài liệu gửi giám định không bị cắt ghép.

Về dân sự quá trình điều tra bị hại Nguyễn Xuân Ng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì cho bị hại, bị hại cũng có đơn đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 con dao phay (loại dao thái chuối) dài 53cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, bản dao rộng nhất 07cm, lưỡi dao màu trắng bạc, phần sống dao màu đen, phần chuôi dao bằng gỗ có chữ “THANH RIẾT”.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-YM ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo xác nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như trong cáo trạng đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin được miễn án phí.

Bị hại Nguyễn Xuân Ng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Quá trình điều tra bị hại đã có đơn và tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích toàn diện, đầy đủ tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo La

Xuân Th và La Xuân Th 1 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến đối đáp, tranh luận thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Khi trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đều nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, nghe lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tài liệu do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng cung cấp, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thu thập, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Đình Ph. Tuy nhiên, người làm chứng đã có lời khai trong giai đoạn điều tra và xét thấy việc người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: Từ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để khẳng định vào khoảng hơn 19 giờ ngày

03/10/2019, do nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với Nguyễn Xuân Ng, La Xuân Th 1 đã cùng với bố đẻ là La Xuân Th hẹn Ng, bố, mẹ Ng đến nhà Th 1 để giải quyết, trong quá trình giải quyết La Xuân Th 1 đã có hành vi chửi bới, dùng dao chỉ vào Ng đe dọa chém, nếu không giải quyết xong thì không được ra khỏi nhà Th 1 và yêu cầu Nguyễn Xuân Ng phải bồi thường danh dự bằng tiền và bị cáo La Xuân Th đã đưa ra các mức tiền là 120 nghìn; 240 nghìn và 360 nghìn, tương đương 120.000.000 đồng, 240.000.000 đồng và 360.000.000 đồng để Ng tự nhận mức tiền để bồi thường, do bị đe dọa nên Nguyễn Xuân Ng đã nhận mức bồi thường số tiền 120.000.000 đồng cho Th 1, sau đó Th đi lấy giấy cho Ng viết giấy bồi thường danh dự cho Th 1 và Giấy vay nợ cho Th 1 với số tiền 120.000.000 đồng và hẹn đến ngày 19/10/2019 Ng phải trả hết số tiền trên, đến khoảng 22 giờ Th 1 cho Ng và gia đình về nhà.

[4] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thống nhất, không có mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, có tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo trên là nguy hiểm cho xã hội, cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, trong khi các bị cáo đều là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; mọi hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản trái với ý muốn của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới bảo đảm việc giáo dục các bị cáo trở Th 1 người tốt, biết tuân thủ các quy định của pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Vai trò hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Th là người yêu cầu bị hại Ng phải lựa chọn mức bồi thường và yêu cầu Ng viết giấy vay nợ với số tiền 120.000.000 đồng, còn bị cáo Th 1 là người đe dọa Ng và gia đình Ng nếu không giải quyết xong sẽ không cho ra về, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả của tội phạm đã thực hiện với vai trò ngang nhau.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị hại cũng

là người có lỗi và có đơn đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo như Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định được bị cáo Th 1 không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị cáo Th tuy có thu nhập ổn định từ lương hưu tuy nhiên mức thu nhập này chỉ đủ để nuôi sống bản thân và gia đình, ngoài ra bị cáo Th không còn công việc và nguồn thu nhập nào khác nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[12] Đối với La Văn Th, Hoàng Thị D, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Kh, không biết việc Th gọi đến nhà Th 1 làm gì, không biết mục đích, khi Th và Th 1 thực hiện hành vi Cưỡng đoạt tài sản, La Văn Th, Hoàng Thị D, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Kh đều không tham gia, và không có hành động gì uy hiếp tinh thần hay giúp sức cho Th và Th 1, chỉ ngồi nghe, không phản ứng gì, vì vậy không có căn cứ để xử lý, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Xử lý vật chứng: 01 con dao phay (loại dao thái chuối) dài 53cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, bản dao rộng nhất 07cm, lưỡi dao màu trắng bạc, phần sống dao màu đen, phần chuôi dao bằng gỗ có chữ “THANH RIÊT” là vật chứng liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[15] Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[16] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc Giấy, sinh sống tại xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang là vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Hà Giang (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020), tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các bị

cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1, phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo La Xuân Th, La Xuân Th 1 mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/9/2020.

Giao các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 cho Ủy ban nhân dân xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Mậu D, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ 01 con dao phay (loại dao thái chuối) dài 53cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, bản dao rộng nhất 07cm, lưỡi dao màu trắng bạc, phần sống dao màu đen, phần chuôi dao bằng gỗ có chữ “THANH RIẾT”.

Đặc điểm, tình trạng của vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo La Xuân Th và La Xuân Th 1.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 10, PC 11, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Mậu D, huyện Y;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh